TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **41**/2026/HNGĐ-PT Ngày: 22-6-2026 V/v: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình.

Ông Đinh Chí Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22/6/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 29/2026/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026, về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"*.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 63/2026/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1107/2026/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Bích L, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Đỗ Thị Bích L trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị L và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 188, ngày 27/08/2010 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T,

huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống cãi vã nhau thường xuyên, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, anh chị đã ly thân gần tám tháng nay, trong thời gian ly thân không có gặp nhau nên không hàn gắn được. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Trong thời gian sống chung chị L và anh T có hai con chung Nguyễn Đỗ Thùy D, sinh ngày 25/05/2011 và Nguyễn Đỗ Phước L1, sinh ngày 22/08/2018, hiện hai con chung đang sống chung với anh T. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

+ Về hôn nhân: Anh T và chị Đỗ Thị Bích L qua mai mối tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, chị L ghen tuông vô cớ, từ đó mâu thuẫn xảy ra thường xuyên. Anh chị ly thân hơn nữa năm nay mà không hàn gắn. Nay anh T đồng ý ly hôn với chị L.

+ Về con chung: Thống nhất trình bày của chị L về con chung, hiện hai con chung đang sống với anh T. Anh T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 63/2026/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp (viết tắt là bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Bích L với anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao chị Đỗ Thị Bích L được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Đỗ Thùy D, sinh ngày 25/05/2011 và Nguyễn Đỗ Phước L1, sinh ngày 22/08/2018, hiện hai con chung đang sống chung với anh Nguyễn Văn T.

Anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm giao 02 con chung Nguyễn Đỗ Thùy D, sinh ngày 25/05/2011 và Nguyễn Đỗ Phước L1, sinh ngày 22/08/2018 cho chị Đỗ Thị Bích L nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/4/2026 bị đơn anh Nguyễn Văn T nộp đơn kháng cáo đề ngày 06/4/2026 để kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng giao 02 con chung tên Nguyễn Đỗ Thùy D, sinh ngày 25/05/2011 và Nguyễn Đỗ Phước L1, sinh ngày 22/08/2018 (các con chung hiện đang sống chung với anh) cho anh tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng giao con chung Nguyễn Đỗ Phước L1, sinh ngày 22/08/2018 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu chị Đỗ Thị Bích L cấp dưỡng nuôi con; anh T đồng ý giao con chung Nguyễn Đỗ Thùy D, sinh ngày 25/05/2011 cho chị L nuôi dưỡng. Bởi các căn cứ như: Anh T là con út trong gia đình, gia đình cũng cho đất vườn để trồng trọt, ngoài ra anh cũng có công việc khác có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi cháu L1. Còn chị L làm việc tại Công ty, thường đi làm từ khoảng 03 giờ sáng đến khoảng 16 giờ hoặc 17 giờ mới về nhà nên không bảo đảm điều kiện trực tiếp chăm sóc cháu; anh T làm việc gần trường học của cháu L1 nên thuận tiện trong việc đưa đón cháu đi học và chăm sóc cháu.

- Nguyên đơn chị Đỗ Thị Bích L trình bày: Chị không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh T, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Nguyễn Đỗ Thùy D và cháu Nguyễn Đỗ Phước L1. Đối với ý kiến của anh T cho rằng anh là người trực tiếp đưa đón hai cháu đi học hằng ngày thì anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho nội dung trình bày này.

- Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn T được thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T; giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 63/2026/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp.

(Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 904/PB-VKS-DS ngày 22/6/2026).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn T không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc anh T nộp đơn kháng cáo đề ngày 06/4/2026 vào ngày 08/4/2026 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T thay đổi yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng giao cháu Nguyễn Đỗ Phước L1, sinh ngày 22/08/2018 cho anh tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con; thống nhất giao cháu Nguyễn Đỗ Thùy D, sinh ngày 25/05/2011 cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục như bản án sơ thẩm đã tuyên. Xét thấy việc thay đổi kháng cáo của anh T không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên căn cứ khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi kháng cáo của anh T.

[2] Về nội dung: Chị Đỗ Thị Bích L và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp ngày 27/08/2010. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. nguyên đơn chị L yêu cầu được ly hôn với anh T; về con chung, yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Nguyễn Đỗ Thùy D, sinh ngày 25/05/2011 và Nguyễn Đỗ Phước L1, sinh ngày 22/08/2018, hiện hai con chung đang sống chung với anh T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh T thống nhất ly hôn với chị L, nhưng anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu Thùy D và P, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét việc bị đơn anh Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng giao cháu Nguyễn Đỗ Phước L1, sinh ngày 22/08/2018 cho anh tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con và thống nhất giao cháu Nguyễn Đỗ Thùy D, sinh ngày 25/05/2011 cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hội đồng xét xử xét

thấy từ khi anh T và chị L phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay hai con chung đang sống với anh T, xét về điều kiện nuôi dưỡng con thì anh T và chị L đủ điều kiện. Tuy nhiên, hai cháu D và L1 hiện nay đã trên 07 tuổi, hai cháu có văn bản ghi nhận ý kiến, thể hiện nguyện vọng được sống với mẹ là chị L tại buổi hoà giải của Tòa án cấp sơ thẩm ngày 10/12/2025 cũng như tại Tòa án cấp phúc thẩm (theo Biên bản ghi nhận ý kiến người chưa thành niên ngày 22/6/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp), mặt khác hiện nay cháu L1 còn nhỏ cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Vì vậy, qua xem xét điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của chị L là bảo đảm, đồng thời xem xét điều kiện phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần và nguyện vọng của các cháu muốn được sống chung với chị L, do đó giao hai cháu Thùy D, cháu Phước L1 cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Bích L giao hai cháu Thùy D và Phước L1 cho chị L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy trình bày của anh T là không đủ căn cứ, đồng thời anh T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ các cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của anh Nguyễn Văn T không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Văn T;

2. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 63/2026/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực M - Đồng Tháp.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005074, ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng GĐKTTT&THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực M - Đồng Tháp;
- THAHNGĐ tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực M - Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tấn Lợi